

Số: **07/2020/QĐST-HNGĐ**

A Lưới, ngày 03 tháng 3 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 57/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019, giữa:

1. *Nguyên đơn*: Chị A Kiêng Thị N, sinh năm 1989, địa chỉ: Thôn S, xã N, huyện L, tỉnh Thừa Thiên Huế ;

2. *Bị đơn*: Anh A Kơ Văn H (Ka Rieng H, sinh năm 1981, địa chỉ: Thôn S, xã N, huyện L, tỉnh Thừa Thiên Huế

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 02 năm 2020,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị A Kiêng Thị N và A Kơ Văn H (Ka Rieng H).

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con: Vợ chồng có hai con chung là Ka Rieng Thị T sinh ngày 15-9-2005 và Ka Rieng Thị Th, sinh ngày 03-10-2008.

Giao chị A Kiêng Thị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai cháu Ka Rieng Thị T và Ka Rieng Thị Th từ khi ly hôn đến khi các cháu đủ tuổi thành niên. Anh A Kơ Văn H (Ka Rieng H) có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 500.000 đồng, cấp dưỡng nuôi cháu Th mỗi tháng 500.000 đồng từ khi ly hôn đến khi hai cháu đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản và nghĩa vụ về tài sản: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm: Chị A Kiêng Thị N tự nguyện chịu toàn bộ án phí thuận tình ly hôn là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng); án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng); Tổng cộng là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai số AA/2013/004291, ngày 04 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế; chị N đã nộp đủ án phí.

Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự; được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- CC THADS L;
- VKSND huyện L;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ, AV.

THẨM PHÁN

Hồ Văn Nhân

